

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 47/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21-9- 2020  
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên toà:* Ông Hồ Đức Quang – Thẩm phán

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Sỹ Quân

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 23/2020/HNGĐ-ST ngày 25/02/2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh ngày 05/9/1993; địa chỉ: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Vĩnh P; sinh ngày 07/4/1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc (không rõ địa chỉ cụ thể) (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Vĩnh P đăng ký kết hôn ngày 20/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên bất hòa. Hiện tại anh

Phú đã đi lao động nước ngoài, vợ chồng cắt đứt liên lạc. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên chị yêu cầu được quyền ly hôn với anh Phan Vĩnh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phan Bảo N, sinh ngày 29/5/2014**. Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con, tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị thay đổi yêu cầu: Giao con chung cho anh Phú trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh P chưa về nước thì đồng ý nhờ bà nội là Lê Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Bảo N. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Vĩnh P trình bày bằng văn bản nội dung thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn, xác nhận mâu thuẫn vợ chồng và trình bày ý kiến không mong tuy nhiên vẫn đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 01 con chung là **Phan Bảo N, sinh ngày 29/5/2014**, hiện đang được mẹ đẻ của anh là bà Lê Thị A chăm sóc. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, trong thời gian anh chưa về nước, anh nhờ mẹ anh thay anh chăm sóc cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 37, 39, 228, 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Thủ tục tố tụng:*

[1.1] Anh Phan Vĩnh P, trước khi xuất cảnh có đăng ký hộ khẩu tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc (xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 11/8/2016 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh) nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

Các tài liệu chứng cứ của anh Phan Vĩnh P gửi về từ nước ngoài, qua đường bưu chính, được xác định là hợp pháp.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt (bị đơn có ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng cho mẹ đẻ là bà Lê Thị A). Vì vậy, việc vắng mặt của các đương sự không làm trở ngại cho việc xét xử và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

*[2] Nội dung:*

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Phan Vĩnh P đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày **20/12/2012**. Kết hôn tự nguyện, đúng trình tự pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Hảo và anh Phú là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Cao Thị H và anh Phan Vĩnh P thấy rằng:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thiếu tôn trọng nhau. Hiện tại đã cắt đứt liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Chị H không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng, trong khi đó anh P mặc dù không muốn ly hôn nhưng không có bất cứ biện pháp nào hàn gắn tình cảm mà chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*” (Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Về các căn cứ cho ly hôn:

- Chị Cao Thị H có yêu cầu ly hôn, anh Phan Vĩnh P đồng ý.
- Thực tế, hôn nhân của anh, chị đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh P.

[2.2] Quan hệ con chung: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn là anh Phan Vĩnh P, trong thời gian anh P chưa về nước thống nhất nhờ bà Lê Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thay anh P. Bà Lê Thị A có đơn tự nguyện nuôi dưỡng cháu N. Sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn là anh P không yêu cầu, nhưng chị H vẫn tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng. Đây là sự tự nguyện thể hiện trách nhiệm, tình thương của chị H đối với con chung nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Phan Vĩnh P.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận: Giao con chung Phan Bảo N, sinh ngày 29/5/2014 cho anh Phan Vĩnh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Phú chưa về nước bà Lê Thị A tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N thay anh P. Chị Cao Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Cao Thị H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ (đã nộp 300.000đ tại biên lai số

0001798 ngày 25/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay chỉ còn phải nộp 300.000đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các bên đương sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Quang**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Sỹ Quân**

**Bùi Văn Hồng**

**Hồ Đức Quang**



